TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1007/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giàu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Huê.
2. Bà Đỗ Trương Hồng Thảo.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72 /2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Quang Hồng Đ, sinh năm 1972.(vắng mặt)

Địa chỉ: đường D , Phường U, Quận P, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường D, Phường U, Quận P, Thành Phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày: Bà Đ và ông T sống chung từ năm 2006, có giấy chứng nhận kết hôn số 05 do Uỷ ban nhân dân Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2006. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống,

xảy ra nhiều mâu thuẫn,vợ chồng đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nay bà Đ yêu cầu ly hôn với ông T.

Vợ chồng có một con chung là Huỳnh Minh T, sinh ngày 10/8/2006. Bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con, tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với ông T.

Tài sản chung: tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa nên Tòa án không thu được lời khai và không tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật không vi phạm Tố tụng. Yêu cầu của bà Đ là có căn cứ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Đỗ Quang Hồng Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông T sống chung từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà Đ yêu cầu ly hôn với ông T vì bà không còn tình cảm dành cho chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đối với ông T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa để lấy lời khai, tham dự phiên hòa giải đoàn tụ gia đình, tham gia phiên tòa xét xử để trình bày ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân với bà Đ, điều đó

chứng tỏ ông T không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không còn tình cảm dành cho vợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Đ là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Con chung: Có một con chung là Huỳnh Minh T, sinh ngày 10/8/2006. Xét thấy yêu cầu của bà Đ là được trực tiếp nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tài sản chung: Đương sự tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Nợ chung: Đương sự tự xác nhận không có.

[7] Bà Đ phải chịu án phí theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Quang Hồng Đ.

1.1 Quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Quang Hồng Đ được ly hôn ông Huỳnh Thanh T.

1.2. Con chung: Có một con tên Huỳnh Minh T, sinh ngày 10/8/2006. Giao cho bà Đỗ Quang Hồng Đ trực tiếp nuôi con là Huỳnh Minh T, sinh ngày 10/8/2006. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với ông T cho đến khi bà Đ có đơn yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Tài sản chung: Đương sự tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.4. Nợ chung: Đương sự tự xác nhận không có.

2. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm bà Đ phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019018 ngày 17/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà Đ đã thi hành xong án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM
- VKSND Q.8
- Chi cục THADS Quận 8
- UBND phường 2, Quận 8
- Các đương sự
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Giàu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM
- VKSND Q.8
- Chi cục THADS Q.8
- UBND phường 2, Q.8
- Các đương sự
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Giàu